

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

**HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER VỊ NGŨ VỊ
HƯƠNG – CHACHEER SUNFLOWER SEEDS
SPICED FLAVOR**

TCCS 34/VDN/2024

CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

Email: d1-hha@vedaninternational.com

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 34/VDN/2024

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

E-mail: d1-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Hạt Hướng Dương Chacheer Vị Ngũ Vị Hương - Chacheer Sunflower Seeds Spiced Flavor.

2. Thành phần cấu tạo: Hạt hướng dương (93,7%), muối, gia vị (cam thảo, thì là), chất tạo ngọt tổng hợp (Sucralose), hương liệu ngũ vị hương tổng hợp.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

a) Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh): 130 g

b) Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trực tiếp trong bao giấy đa lớp, chất liệu bao bì tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm là nhựa PE, bên ngoài là thùng carton. Bao bì sử dụng phù hợp yêu cầu An toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

Nhà sản xuất: CHACHA FOOD (THAILAND) CO., LTD.

Địa chỉ: 26 Moo 3, Tambol Nongnamsom, Amphur U-Thai, Ayutthaya, Thailand 13210.

Xuất xứ: Thái Lan

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam nhập khẩu, kinh doanh sản phẩm “Hạt Hướng Dương Chacheer Vị Ngũ Vị Hương - Chacheer Sunflower Seeds Spiced Flavor” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:



- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.1).
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.8, 3.25).
- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
- Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

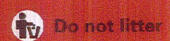
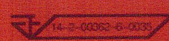
Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Đồng Nai, ngày 04 tháng 05 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

NI CHIH HAO





2401 308734

HÌNH ẢNH PHÒNG TO NHÃN SẢN PHẨM
HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER VỊ NGŨ VỊ HƯƠNG 130 g

HẠT HƯƠNG DƯƠNG **ChaCheer** VỊ NGŨ VỊ HƯƠNG

Thành phần: Hạt hướng dương (93,7%), muối, gia vị (cam thảo, thì là), chất tạo ngọt tổng hợp (Sucralose), hương liệu ngũ vị hương tổng hợp.

Khối lượng tịnh: 130 g

NSX, HSD: Xem NSX, HSD ở mặt sau bao bì.

Hướng dẫn sử dụng: Bóc vỏ ăn liền sau khi mở bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được đè nén và không tác động lực mạnh.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng cho trẻ dưới 5 tuổi.

Nhà sản xuất: CHACHA FOOD (THAILAND) CO., LTD.

Địa chỉ: 26 Moo 3, Tambol Nongnamsom, Amphur U-Thai, Ayutthaya, Thailand 13210

Xuất xứ: Thái Lan

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Free Hotline: 1800 599 902

Website: www.vedan.com.vn

TCCS 34/VDN/2024

**Thành phần dinh dưỡng,
giá trị dinh dưỡng**

(có trong 100 g hạt hướng dương)

Năng lượng	≤	678 kcal
Chất đạm	≥	22,7 g
Carbohydrat	≥	17,5 g
Chất béo	≤	53,5 g
Natri	≤	1287 mg





Số công nhận: 1007/43

Ngày: 15 tháng 1 năm 2024

Trang 1/3

Báo cáo thử nghiệm 5772333

Khách hàng: ChaCha Food (Thailand) Co., Ltd.

26 Moo. 3, NongNamSom, Uthai Ayutthaya 13210, Thái Lan

(Các) mẫu sau đây đã được gửi và được khách hàng xác định là:

Tên mẫu : Hạt hướng dương ChaCheer vị ngũ vị hương
 Mô tả mẫu :
 Nhà phân phối : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM.
 Địa chỉ : Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

(Các) mẫu sau đây đã được SGS xác định là:

Số mẫu SGS : 6066220
 Tình trạng mẫu : Mẫu được niêm phong trong túi nhựa ép, bao bì gốc.
 Số lượng : 10 túi x 250g
 Ngày nhận : 4 tháng 1 năm 2024 Ngày bắt đầu thử nghiệm: 5 tháng 1 năm 2024

Tên mẫu thử	Phương pháp	Giới hạn phát hiện	Giới hạn định lượng	Kết quả	Đơn vị
Asen (As)	Phương pháp nội bộ SOP số LBCH-13532 dựa trên AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	0.01	0.03	Dưới 0.03	mg/kg
Natri (Na)	Phương pháp nội bộ SOP số LBCH-13532 dựa trên AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	1.50	5.00	837.10	mg/100g
Chì (Pb)	Phương pháp nội bộ SOP số LBCH-13532 dựa trên AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	0.02	0.03	0.04	mg/kg
Nhóm Độc tố nấm (Aflatoxin)	Phương pháp nội bộ SOP số LBLC-18004 dựa trên phương pháp QuEChERS của Cẩm nang Khoa học Thermo Fisher, Lưu ý ứng dụng số 21121 HPLC-MS-MS				
-Aflatoxin B1		0.25	0.50	Không phát hiện	ug/kg
-Aflatoxin B2		0.25	0.50	Không phát hiện	ug/kg
-Aflatoxin G1		0.25	0.50	Không phát hiện	ug/kg
-Aflatoxin G2		0.25	0.50	Không phát hiện	ug/kg

* Bất kỳ người sở hữu tài liệu này được khuyến cáo rằng nếu thông tin của khách hàng hoặc bên thứ ba được cung cấp liên quan đến hàng hóa hoặc mẫu, SGS có thể, tùy theo quyết định của mình, đính kèm hoặc ghi chú thông tin đó vào báo cáo nhưng SGS không bảo hành hoặc không chịu trách nhiệm về tính xác thực hoặc thiếu tính xác thực của thông tin đó.*

Tài liệu này được Công ty phát hành theo Điều khoản Dịch vụ Chung được in ở mặt sau, có sẵn theo yêu cầu. Xin lưu ý đến các giới hạn trách nhiệm, bồi thường, thiệt hại và các vấn đề về quyền hạn tài sản được quy định trong đó. Bất kỳ người sở hữu tài liệu này được khuyến cáo rằng thông tin có trong tài liệu này chỉ phản ánh kết quả phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Trách nhiệm duy nhất của Công ty là đối với Khách hàng và tài liệu này không miễn trừ các bên tham gia giao dịch khỏi việc thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của họ theo các tài liệu giao dịch. Tài liệu này không được sao chép trừ khi được sự chấp thuận bằng văn bản trước của Công ty. Bất kỳ hành vi sửa đổi, làm giả hoặc làm giả trái phép nào đối với nội dung hoặc hình thức của tài liệu này là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy cứu trách nhiệm trước pháp luật.

Cảm công bố hoặc quảng cáo kết quả hoặc tài liệu này trừ khi được sự chấp thuận bằng văn bản trước của Công ty. Trừ khi có quy định khác, kết quả được hiển thị trong báo cáo thử nghiệm này chỉ liên quan đến mẫu (s) được nhận và mẫu (s) đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) Mẫu mà các kết quả được ghi lại ở đây ("Kết quả") liên quan đến được lấy và / hoặc cung cấp bởi Khách hàng hoặc bởi bên thứ ba hành động theo chỉ đạo của Khách hàng.

Kết quả không bảo đảm tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và chỉ liên quan nghiêm ngặt đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm về nguồn gốc hoặc nguồn gốc mà (các) mẫu được cho là được chiết xuất.

SGS (Thailand) Limited

Dịch vụ Phòng thí nghiệm: 10/1-4 và 12 Soi Rama III S.59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok
 ĐT: +66 (0)2 683 05 41. 294 74 85-90 fax: +66 (0) 294 74 84.683 07 58 www.sgs.com/

Thành viên của Tập đoàn SGS

5474046

Báo cáo thử nghiệm

5772333

Tên mẫu thử	Phương pháp	Giới hạn phát hiện	Giới hạn định lượng	Kết quả	Đơn vị
-Tổng Aflatoxin		-	-	Không phát hiện	ug/kg
Năng lượng	Phương pháp phân tích dinh dưỡng Nhãn (1993) : 106	-	-	620	kcal/100g
-Năng lượng					
-Năng lượng từ chất béo					
Carbohydrate	Phương pháp phân tích dinh dưỡng Nhãn (1993)Trang 06	-	-	19.2	g/100g
Chất béo	Phương pháp nội bộ LBAG-00110 dựa trên AOAC (2019) 954.02, 922.06, 925.12, 948.15	-	-	49.9	g/100g
Độ ẩm	Phương pháp nội bộ SOP LBAG-00124 dựa trên AOAC (2019) 925.10	-	-	2.3	g/100g
Protein (Nx6.25)	Phương pháp nội bộ SOP LBAG-14002 dựa trên AOAC (2019) 990.03,992.15,992.23	-	-	30.39	g/100g
* Melamine & Chất tương tự	Phương pháp nội bộ SOP số LBLC-21004 dựa trên Thực phẩm và Môi trường của nghiên cứu AB SCIEX năm 2013.; Số xuất bản: 7170213-01, HPLC-MS-MS	0.125	0.25	Không phát hiện	mg/kg
-Melamine					
Tổng số vi khuẩn hiếu khí	FDA BAM Online, 2001 (Chương 3)	-	-	Less than 10	CFU/g
Coliforms	AOAC (2019) 991.14	-	-	Dưới 10	CFU/g
<i>E.coli</i>	AOAC (2019) 991.14	-	-	Dưới 10	CFU/g
Nấm men và Mốc	FDA BAM Online, 2001 (Chương 18)	-	-	Dưới 10	CFU/g

* Bất kỳ người sở hữu tài liệu này được khuyến cáo rằng nếu thông tin của khách hàng hoặc bên thứ ba được cung cấp liên quan đến hàng hóa hoặc mẫu, SGS có thể, tùy theo quyết định của mình, đính kèm hoặc ghi chú thông tin đó vào báo cáo nhưng SGS không bảo hành hoặc không chịu trách nhiệm về tính xác thực hoặc thiếu tính xác thực của thông tin đó.*

Tài liệu này được Công ty phát hành theo Điều khoản Dịch vụ Chung được in ở mặt sau, có sẵn theo yêu cầu. Xin lưu ý đến các giới hạn trách nhiệm, bồi thường thiệt hại và các vấn đề về quyền hạn tải phân được quy định trong đó. Bất kỳ người sở hữu tài liệu này được khuyến cáo rằng thông tin có trong tài liệu này chỉ phản ánh kết quả phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Trách nhiệm duy nhất của Công ty là đối với Khách hàng và tài liệu này không miễn trừ các bên tham gia giao dịch khỏi việc thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của họ theo các tài liệu giao dịch. Tài liệu này không được sao chép trừ khi được sự chấp thuận bằng văn bản trước của Công ty. Bất kỳ hành vi sửa đổi, làm giả hoặc làm giả trái phép nào đối với nội dung hoặc hình thức của tài liệu này là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy cứu trách nhiệm trước pháp luật.

Cấm công bố hoặc quảng cáo kết quả hoặc tài liệu này trừ khi được sự chấp thuận bằng văn bản trước của Công ty. Trừ khi có quy định khác, kết quả được hiển thị trong báo cáo thử nghiệm này chỉ liên quan đến mẫu (s) được nhận và mẫu (s) đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) Mẫu mà các kết quả được ghi lại ở đây ("Kết quả") liên quan đến được lấy và / hoặc cung cấp bởi Khách hàng hoặc bởi bên thứ ba hành động theo chỉ đạo của Khách hàng.

Kết quả không bảo đảm tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và chỉ liên quan nghiêm ngặt đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm về nguồn gốc hoặc nguồn gốc mà (các) mẫu được cho là được chiết xuất.

5474046



Số công nhận: 1007/43
 Ngày: 15 tháng 1 năm 2024 Trang 3/3

Báo cáo thử nghiệm 5772333

Tên mẫu thử	Phương pháp	Giới hạn phát hiện	Giới hạn định lượng	Kết quả	Đơn vị
<i>Bacillus cereus</i>	FDA BAM Online, 2020 (Chương 14)	-	-	Dưới 10	CFU/g
<i>Clostridium perfringens</i>	FDA BAM Online, 2001 (Chương 16)	-	-	Dưới 10	CFU/g

- Ghi chú:
1. LOD = “Giới hạn phát hiện”
 2. Dưới = Nhỏ hơn LOQ “Giới hạn định lượng”

Phòng thí nghiệm đã được công nhận theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.

Các thử nghiệm được đánh dấu * trên báo cáo thử nghiệm này không nằm trong phạm vi được công nhận theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.

Đã ký và thay mặt cho
 SGS (Thailand) Ltd
 (Đã ký)

Jirapan Vilaipol
 Quản lý phòng thí nghiệm vi sinh

.....Kết thúc báo cáo

* Bất kỳ người sở hữu tài liệu này được khuyến cáo rằng nếu thông tin của khách hàng hoặc bên thứ ba được cung cấp liên quan đến hàng hóa hoặc mẫu, SGS có thể, tùy theo quyết định của mình, đính kèm hoặc ghi chú thông tin đó vào báo cáo nhưng SGS không bảo hành hoặc không chịu trách nhiệm về tính xác thực hoặc thiếu tính xác thực của thông tin đó.*

Tài liệu này được Công ty phát hành theo Điều khoản Dịch vụ Chung được in ở mặt sau, có sẵn theo yêu cầu. Xin lưu ý đến các giới hạn trách nhiệm, bồi thường thiệt hại và các vấn đề về quyền hạn tài phán được quy định trong đó. Bất kỳ người sở hữu tài liệu này được khuyến cáo rằng thông tin có trong tài liệu này chỉ phản ánh kết quả phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Trách nhiệm duy nhất của Công ty là đối với Khách hàng và tài liệu này không miễn trừ các bên tham gia giao dịch khỏi việc thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của họ theo các tài liệu giao dịch. Tài liệu này không được sao chép trừ khi được sự chấp thuận bằng văn bản trước của Công ty. Bất kỳ hành vi sửa đổi, làm giả hoặc làm giả trái phép nào đối với nội dung hoặc hình thức của tài liệu này là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy cứu trách nhiệm trước pháp luật.

Cấm công bố hoặc quảng cáo kết quả hoặc tài liệu này trừ khi được sự chấp thuận bằng văn bản trước của Công ty.
 Trừ khi có quy định khác, kết quả được hiển thị trong báo cáo thử nghiệm này chỉ liên quan đến mẫu (s) được nhận và mẫu (s) đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.


CẢNH BÁO: (Các) Mẫu mà các kết quả được ghi lại ở đây (“Kết quả”) liên quan đến được lấy và / hoặc cung cấp bởi Khách hàng hoặc bởi bên thứ ba hành động theo chỉ đạo của Khách hàng.

Kết quả không bảo đảm tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và chỉ liên quan nghiêm ngặt đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm về nguồn gốc hoặc nguồn gốc mà (các) mẫu được cho là được chiết xuất.

5474046

Tôi, Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.


Người dịch


Đặng Thị Hiền Mai

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 20 tháng 3 năm 2024 (Ngày hai mươi, tháng ba, năm hai nghìn không trăm hai mươi bốn)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi,  - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do bà Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt .
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đặng Thị Hiền Mai;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 3 bản chính, mỗi bản gồm...4...tờ, 4...trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: ...4547..... Quyền số: 01 /2024 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN





Test Report 5772333

Date : 15-Jan-2024

Page 1 of 3

Client : ChaCha Food (Thailand) Co., Ltd.
26 Moo. 3
NongNamSom, Uthai Ayutthaya 13210 Thailand

The following sample(s) was/were submitted and identified by client as:

Sample Name : ChaCheer Sunflower Seeds Spiced Flavor
 Sample Description : เมล็ดทานตะวัน
 Distributor name : VEDAN VIETNAM ENTERPRISE CORP., LTD.
 Distributor address : National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

The following sample(s) was/were identified by SGS as:

SGS Sample No. : 6066220
 Sample Condition : Sample is sealed in a laminated plastic bag, original package.
 Qty.Submitted : 10 bags x 250 g.
 Date Received : 4-Jan-2024 Date Commenced : 5-Jan-2024

Test Items	Method	LOD	LOQ	Results	Units
Arsenic (As)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	0.01	0.03	Less than 0.03	mg/kg
Sodium (Na)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	1.50	5.00	837.10	mg/100g
Lead (Pb)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	0.02	0.03	0.04	mg/kg
Multi- mycotoxins (Aflatoxin)	In-house method SOP No.LBLC-18004 based on QuEChERS method of Thermo Fisher Scientific Manual, Application Note No.21121. , HPLC-MS-MS				
-Aflatoxin B1		0.25	0.50	Not detected	ug/kg
-Aflatoxin B2		0.25	0.50	Not detected	ug/kg
-Aflatoxin G1		0.25	0.50	Not detected	ug/kg
-Aflatoxin G2		0.25	0.50	Not detected	ug/kg

"Any holder of this document is advised that should client or third party information be supplied with respect to the goods or sample, SGS may, at its discretion, attached or indicate such information to the report but SGS makes no warranties or accepts no liable for the veracity or lack thereof of such Information."

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Publish or advertisement of the result or this document is prohibited, unless prior written approval of the Company.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.

5474046

Test Items	Method	LOD	LOQ	Results	Units
-Total Aflatoxin		-	-	Not detected	ug/kg
Energy	Method of Analysis for Nutrition Labeling (1993) : 106				
-Energy		-	-	620	kcal/100g
-Energy from fat		-	-	449	kcal/100g
Carbohydrate	Method of Analysis for Nutrition Labeling(1993)p.106	-	-	19.2	g/100g
Fat	In house method LBAG-00110 based on AOAC(2019) 954.02,922.06,925.12,948.15	-	-	49.9	g/100g
Moisture	In house method SOP LBAG-00124 based on AOAC (2019) 925.10	-	-	2.3	g/100g
Protein (Nx6.25)	In-house method SOP LBAG-14002 based on AOAC (2019) 990.03,992.15,992.23	-	-	30.39	g/100g
*Melamine & Analogs	In housed method SOP no.LBLC-21004 based on Food and Environmental of AB SCIEX research 2013.; Publication number: 7170213-01 , HPLC-MS-MS				
-Melamine		0.125	0.25	Not detected	mg/kg
Aerobic Plate Count	FDA BAM Online, 2001 (Chapter 3)	-	-	Less than 10	CFU/g
Coliforms	AOAC (2019) 991.14	-	-	Less than 10	CFU/g
<i>E.coli</i>	AOAC (2019) 991.14	-	-	Less than 10	CFU/g
Yeasts and Molds	FDA BAM Online, 2001 (Chapter 18)	-	-	Less than 10	CFU/g

*Any holder of this document is advised that should client or third party information be supplied with respect to the goods or sample, SGS may, at its discretion, attached or indicate such information to the report but SGS makes no warranties or accepts no liable for the veracity or lack thereof of such Information."

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Publish or advertisement of the result or this document is prohibited, unless prior written approval of the Company.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.

5474046

 NG
 NG
 UE
 HA

Test Items	Method	LOD	LOQ	Results	Units
<i>Bacillus cereus</i>	FDA BAM Online,2020 (Chapter 14)	-	-	Less than 10	CFU/g
<i>Clostridium perfringens</i>	FDA BAM Online, 2001 (Chapter 16)	-	-	Less than 10	CFU/g

Remark : 1. LOD = "Limit of Detection"
 2. Less than = Lower than LOQ "Limit of Quantitation"

The Laboratory have been accredited in accordance with ISO/IEC 17025.

Test(s) marked * on this test report is/are not included in the accreditation scope in accordance with ISO/IEC 17025.

Signed for and on behalf of
 SGS (Thailand) Ltd.

Jirapan Vilaipol
 Microbiological Lab Manager

***** End of Report *****



5474046

"Any holder of this document is advised that should client or third party information be supplied with respect to the goods or sample, SGS may, at its discretion, attached or indicate such information to the report but SGS makes no warranties or accepts no liable for the veracity or lack thereof of such Information."

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Publish or advertisement of the result or this document is prohibited, unless prior written approval of the Company. Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only. WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.